

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
BỘ CÔNG THƯƠNG
VIỆN NGHIÊN CỨU CHIẾN LƯỢC, CHÍNH SÁCH CÔNG THƯƠNG

VŨ BÁ PHÚ

**NÂNG CAO NĂNG LỰC XÚC TIẾN XUẤT KHẨU
HÀNG HÓA VIỆT NAM**

Ngành: Kinh doanh Thương mại

Mã số: 9.34.01.21

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

HÀ NỘI, 2025

**CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI
VIỆN NGHIÊN CỨU CHIẾN LƯỢC, CHÍNH SÁCH CÔNG THƯƠNG**

Người hướng dẫn khoa học:

Hướng dẫn chính: PGS.TS. Tạ Văn Lợi

Hướng dẫn phụ: PGS.TS. Đinh Văn Thành

Phản biện:

1. .
2. . .
3. .

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Viện

Vào hồi: ngày tháng 11 năm 2025

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia
- Thư viện Viện Nghiên cứu chiến lược, chính sách Công Thương

Hà Nội, 2025

MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết nghiên cứu

Trong những năm qua, hoạt động xúc tiến xuất khẩu hàng hóa (XTXKHH) của Việt Nam đã đạt được những kết quả quan trọng và ngày càng khẳng định vai trò không thể thiếu trong thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa của đất nước. Công tác XTXKHH đã góp phần không nhỏ vào việc hỗ trợ phát triển thị trường xuất khẩu, bao gồm cả các thị trường truyền thống, các thị trường có tiềm năng và các thị trường đã ký hiệp định thương mại tự do (FTA).

Thời gian qua, hoạt động XTXKHH của các cơ quan chính phủ Việt Nam đã đạt được những thành quả quan trọng như: xây dựng phê duyệt và triển khai nhiều chương trình xúc tiến thương mại (XTTM) quốc gia, tổ chức các sự kiện xúc tiến xuất khẩu (XTXK) với các hình thức đa dạng nhằm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp (DN) Việt Nam tìm hiểu thị trường nước ngoài. Bên cạnh đó, năng lực XTXKHH của các chủ thể khác như hiệp hội, tổ chức hỗ trợ xuất khẩu, DN ở Việt Nam thời gian qua đã từng bước được nâng cao, cơ bản đáp ứng yêu cầu mới.

Mặt khác, hạ tầng XTXKHH từng bước được đầu tư nâng cấp, trang thiết bị phục vụ hoạt động quản lý và tổ chức thực hiện công tác XTXKHH đã được trang bị mới để đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin chuyển đổi số (CĐS), đổi mới, nâng cao hiệu quả của công tác XTXKHH, hỗ trợ doanh nghiệp tìm kiếm kết nối khách hàng, duy trì và phát triển thị trường xuất khẩu một cách hiệu quả. Bên cạnh đó, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng của các cán bộ, viên chức, người lao động làm công tác XTXKHH ngày càng được nâng cao.

Tuy nhiên, năng lực XTXKHH vẫn còn một số hạn chế như: Hoạt động XTTM còn dàn trải giữa các Bộ, ngành, địa phương, có nơi chồng chéo về nội dung, thời điểm, địa bàn thực hiện dễ gây lãng phí

nguồn lực; Nguồn nhân lực tại các cơ quan, tổ chức có chức năng, nhiệm vụ về XTXKHH còn thiếu về số lượng và yếu về chất lượng ảnh hưởng đến chất lượng triển khai các hoạt động XTXKHH. Việc tổ chức thực hiện các hoạt động XTXKHH chưa đạt được mục tiêu đề ra, mặt khác chưa có khả năng triển khai các hoạt động XTXKHH mới, đáp ứng nhu cầu của DN.

Nguyên nhân cơ bản của những hạn chế đó là năng lực XTXKHH của các chủ thể còn những tồn tại, hạn chế. Những thiếu hụt về nguồn lực, cơ chế phối hợp giữa các chủ thể, cơ chế tài chính chưa thực sự đáp ứng yêu cầu mới, mô hình tổ chức của các đơn vị XTTM chưa thống nhất, một số đơn vị chưa chủ động trong việc đổi mới, nghiên cứu và thực hiện các phương thức XTXKHH hiện đại,...

Thực tế và yêu cầu hiện nay cho thấy cần phải có hệ thống giải pháp mang tính căn cơ, đồng bộ và đột phá để nâng cao năng lực XTXKHH Việt Nam nhằm phát triển xuất khẩu hàng hóa, quyết định vị trí của đất nước trên thị trường thế giới và khu vực. Mặt khác, vấn đề đẩy mạnh hoạt động XTTM nói chung và XTXK nói riêng đã được khá nhiều công trình nghiên cứu đề cập, phân tích và công bố. Tuy nhiên những vấn đề lý luận và thực tiễn về nâng cao năng lực XTXKHH của một quốc gia còn khá khiêm tốn, cần được bổ sung và hoàn thiện.

Từ những lý do trên, nghiên cứu sinh chọn đề tài ***“Nâng cao năng lực xúc tiến xuất khẩu hàng hóa Việt Nam”*** làm đề tài luận án tiến sĩ của mình.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục tiêu nghiên cứu

Trên cơ sở lý thuyết và phân tích thực trạng về năng lực xúc tiến xuất khẩu hàng hóa, luận án đề xuất giải pháp có cơ sở lý luận và thực tiễn nhằm nâng cao năng lực xúc tiến xuất khẩu hàng hóa Việt Nam đến năm 2030.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để thực hiện mục tiêu nghiên cứu trên, nhiệm vụ của luận án là: *Thứ nhất*, hệ thống hoá, làm rõ cơ sở lý luận, xác lập khung khổ lý thuyết về nâng cao năng lực XTXKHH; *Thứ hai*, phân tích, đánh giá thực trạng năng lực XTXKHH Việt Nam giai đoạn 2020 - 2024; *Thứ ba*, đề xuất các quan điểm, định hướng và giải pháp nâng cao XTXKHH hàng hóa Việt Nam đến năm 2030.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu: Đối tượng nghiên cứu của luận án là những vấn đề lý luận và thực tiễn về nâng cao năng lực XTXKHH.

3.2. Phạm vi nghiên cứu: (1) *Về thời gian:* Luận án nghiên cứu thực trạng năng lực XTXKHH Việt Nam giai đoạn 2020-2024, đề xuất giải pháp nâng cao năng lực XTXKHH Việt Nam đến năm 2030; (2) *Về không gian:* tại Việt Nam; (3) *Về nội dung:* Luận án nghiên cứu năng lực XTXKHH của Việt Nam, trong đó tập trung vào năng lực của mạng lưới xúc tiến xuất khẩu hàng hóa.

4. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử và tổng hợp các phương pháp sau: phương pháp hệ thống, phương pháp phân tích, phương pháp tổng hợp, phương pháp quy nạp, phương pháp so sánh, đối chiếu, phương pháp thống kê, phương pháp khảo sát, phương pháp chuyên gia.

5. Đóng góp mới về khoa học của luận án

Về lý luận, luận án hệ thống hóa, làm rõ và bổ sung lý luận về nâng cao năng lực xúc tiến xuất khẩu hàng hóa của một quốc gia, xác lập nội hàm, các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực xúc tiến xuất khẩu hàng hóa, xây dựng Bộ chỉ số đánh giá năng lực xuất khẩu hàng hóa làm cơ sở cho việc phân tích, đánh giá thực trạng; *Về thực tiễn*, luận án đã thực hiện phân tích và rút ra những thành công, tồn tại, hạn chế và nguyên

nhân của thực trạng năng lực XTXKHH Việt Nam. Những nhận định, đánh giá này là cơ sở để tính toán, đề xuất các giải pháp nhằm triệt tiêu nguyên nhân dẫn đến hạn chế năng lực xúc tiến xuất khẩu hàng hóa của các chủ thể xúc tiến Việt Nam; Luận án đã đề xuất các quan điểm, định hướng và các nhóm giải pháp có giá trị thực tiễn cho các tổ chức XTTM, các cơ quan quản lý nhà nước, các nhà hoạch định chính sách XTXKHH Việt Nam.

6. Kết cấu của luận án

Luận án được kết cấu thành 04 chương gồm:

- *Chương 1:* Tổng quan các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án;
- *Chương 2:* Một số vấn đề lý luận và kinh nghiệm quốc tế về nâng cao năng lực XTXKHH;
- *Chương 3:* Thực trạng năng lực XTXKHH của Việt Nam giai đoạn 2020-2024;
- *Chương 4:* Quan điểm, định hướng và giải pháp nâng cao năng lực XTXKHH Việt Nam đến năm 2030.

CHƯƠNG 1:

TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. Các công trình nghiên cứu có liên quan đề tài luận án

Liên quan đến vấn đề nâng cao năng lực XTXKHH, có một số công trình nghiên cứu được công bố như: Nguyễn Xuân Quang (2007), *Giáo trình Marketing thương mại*; Nguyễn Bách Khoa (2011), *Giáo trình Marketing thương mại*; Nguyễn Thị Dung (2007), *Pháp luật về xúc tiến thương mại ở Việt Nam: những vấn đề lý luận và thực tiễn*; Lê Hoàng Oanh (2014), *Xúc tiến thương mại - Lý luận và thực tiễn*; William D. Perreault, Edmund Jerome McCarthy (2006), *Essentials of Marketing*; Nguyễn Văn Tuấn (2020), *Xúc tiến thương mại hàng nông sản chủ lực của tỉnh Bắc Giang-Những vấn đề cấp thiết đặt ra*; Nguyễn Đỗ Thị Hương (2009), *Hoàn thiện hoạt động xúc tiến nhằm thúc đẩy xuất khẩu của các doanh nghiệp Việt Nam vào thị trường EU*; Cục Xúc tiến thương mại (2020), *Báo cáo hiệu quả hoạt động xúc tiến thương mại thời gian qua và kế hoạch, định hướng giai đoạn 2020-2025*; Trần Đình Hiệp (2019), *Giải pháp thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang một số nước Đông Âu*; Nguyễn Thị Thúy Hồng (2014), *Chính sách thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam vào thị trường EU trong điều kiện tham gia vào WTO*; Phạm Thu Hương (2004), *Thực trạng và các giải pháp thúc đẩy hoạt động quốc tế của Việt Nam*; Nguyễn Thị Nhiễm (2003), *Xúc tiến xuất khẩu của Chính phủ cho các DNNVV*; Daniele Giovannucci *Các tổ chức xúc tiến thương mại quốc gia: vai trò và chức năng của chúng*; Tran Nhu Trang (2009), *Support to Trade Promotion and Export Development in Vietnam*; International Trade Centre (ITC) (2016), *Investing in Trade Promotion Generates Revenue* Geneva: ITC; Nathan Associates Inc. EXPRO Project (2004), *Best Practices in Export Promotion*; International trade Centrer (2014), *The*

changing role of trade promotion; Daniel Lederman, Marcelo Olarreaga và Lucy Payton (2011), *Các cơ quan xúc tiến xuất khẩu: Họ có làm việc không?*; European Economic and Social Committee (2018), *Study on best practices on national export promotion activities*; Business Administration & Marketing Department, *Trade Promotion Organizations (TPOs) Role in Laying the Groundwork for an Export Promotion Program*; Sri Lanka Export Development Board (2018), *Sri Lanka's Apex Organisation for Export Promotion*; Michele Di Maio University of Naples Parthenope, Italy (2012), *Experiences with Strategies and Practices for Export Promotion in Developing Countries and Some Implementation Issues with the Sierra Leone NES*; Guillermo Donoso (2016), *Chilean agricultural export promotion experience to advance agricultural trade: legal, regulatory and operational frameworks and impact assessment*. Myanmar Trade Promotion Organization (2018), *Roadmap for Trade Promotion of Myanmar*; Daneta Fildza Adany (2017), *Export promotion policy and its impact on ASEAN economic development: A comparison analysis on Indonesia as ASEAN countries*, University of Brawijaya; Jakob Munch, Georg Schaur (2018), *The effect of export promotion on firm-level performance*.

1.2. Một số nhận định về các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án

Những vấn đề liên quan đến đề tài luận án đã được giải quyết và có thể kế thừa cũng như chưa được giải quyết trong các công trình đã công bố trên 03 khía cạnh: lý luận; thực tiễn và giải pháp kiến nghị đã được luận án chỉ rõ.

1.3. Khoảng trống nghiên cứu của luận án

Khoảng trống nghiên cứu của luận án được xác định như sau: (1) Chưa có một khung lý luận hoàn chỉnh về năng lực xúc tiến xuất khẩu

hàng hóa của quốc gia, luận án sẽ xây dựng và bổ sung khung lý luận này, bao gồm định nghĩa, thành phần cấu thành và các tiêu chí đánh giá năng lực XTXKHH; (2) Chưa có nghiên cứu đánh giá thực trạng năng lực XTXKHH của Việt Nam thông qua thực hiện khảo sát và áp dụng bộ chỉ số đánh giá để đo lường cụ thể năng lực XTXKHH của mạng lưới xúc tiến xuất khẩu Việt Nam; (3) Chưa có đề xuất hệ thống giải pháp nâng cao năng lực XTXKHH dựa trên các bằng chứng định lượng và xu hướng hội nhập mới, luận án sẽ đề xuất các giải pháp đồng bộ, có cơ sở khoa học và thực tiễn, nhằm nâng cao năng lực XTXKHH Việt Nam trong bối cảnh thực thi các FTA thế hệ mới và chuyển đổi số.

CHƯƠNG 2:

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ NÂNG CAO NĂNG LỰC XTXKHH

2.1. Một số vấn đề lý luận về nâng cao năng lực XTXKHH

2.1.1. Một số khái niệm

Luận án luận giải một số khái niệm có liên quan như: xuất khẩu hàng hóa, XTXKHH, năng lực XTXKHH và đưa ra khái niệm về nâng cao năng lực XTXKHH như sau: *“Nâng cao năng lực XTXKHH là sự tăng cường khả năng và nguồn lực của Nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp trong việc thực hiện các hoạt động nhằm thúc đẩy và mở rộng hoạt động xuất khẩu”*

2.1.2. Vai trò nâng cao năng lực XTXKHH

Nâng cao năng lực XTXKHH có những vai trò chính sau: *Thứ nhất*, góp phần thúc đẩy sản xuất trong nước, khai thác lợi thế cạnh tranh; *Thứ hai*, giảm thiểu rủi ro và tạo thuận lợi cho hoạt động xuất khẩu; *Thứ ba*, quảng bá hình ảnh của hàng hoá trên thị trường thế giới; *Thứ tư*, góp phần nâng cao vị thế và uy tín của cơ quan, tổ chức XTTM;

Thứ năm, mở rộng quan hệ hợp tác và thị trường xuất khẩu; *Thứ sáu*, hỗ trợ tích cực cho doanh nghiệp thúc đẩy XKHH.

2.1.3. *Yếu tố cấu thành năng lực XTXKH*

Năng lực XTXKH được cấu thành bởi các yếu tố chính sau: (1) Năng lực xây dựng pháp luật và hoạch định chính sách XTXKH; (2) Năng lực đội ngũ hoạt động XTXKH; (3) Năng lực tài chính phục vụ hoạt động XTXKH; (4) Năng lực công nghệ và xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin; (5) Năng lực kiến tạo cơ sở hạ tầng xúc tiến và dịch vụ hỗ trợ; (6) Năng lực tổ chức mạng lưới và phối hợp XTXKH.

2.1.4. *Các chính sách và biện pháp nâng cao năng lực xúc tiến xuất khẩu hàng hóa trong bối cảnh hội nhập và chuyển đổi số*

Nhằm nâng cao năng lực XTXK chính sách, biện pháp cần đổi mới phù hợp với bối cảnh hội nhập sâu rộng và kỷ nguyên số, đó là:

Thứ nhất, ở cấp độ vĩ mô, Nhà nước giữ vai trò trung tâm trong việc xây dựng thể chế, hoạch định chính sách và điều tiết hệ thống XTXKH.

Thứ hai, các tổ chức trung gian, đóng vai trò là cầu nối chiến lược giữa Nhà nước và cấp DN

Thứ ba, ở cấp độ vi mô, doanh nghiệp là chủ thể trực tiếp thực thi các hoạt động xúc tiến, đồng thời phản ánh kết quả cuối cùng của toàn bộ hệ thống chính sách, hạ tầng và nguồn lực hỗ trợ trong xúc tiến thương mại xuất khẩu.

2.2. Phương pháp và Bộ chỉ số đánh giá năng lực XTXKH

2.2.1. *Khái quát chung về đánh giá năng lực XTXKH*

Đánh giá năng lực là một quá trình phân tích có hệ thống nhằm so sánh giữa trạng thái hiện tại và trạng thái mong muốn trong tương lai. Đối với các tổ chức hỗ trợ thương mại và các đơn vị XTTM, đánh giá năng lực có vai trò đặc biệt quan trọng. Kết quả đánh giá cung cấp căn cứ khoa học để thiết kế chính sách, xây dựng chiến lược nâng cao

năng lực. Việc đánh giá năng lực không chỉ giúp các tổ chức XTTM xác định đúng điểm mạnh và điểm yếu, mà còn là yếu tố đảm bảo tính linh hoạt, thích ứng và hiệu quả của hoạt động XTXK trong dài hạn. Đánh giá năng lực đóng vai trò như một phân tích có hệ thống, so sánh các năng lực hiện có với các trạng thái mong muốn để xác định các điểm mạnh và các lĩnh vực cần tăng cường.

2.2.2. Phương pháp, công cụ đánh giá năng lực XTXKHH

Theo các nghiên cứu đã công bố, để đánh giá năng lực XTXKHH hiện nay các chủ thể thường sử dụng những phương pháp phổ biến như: Phân tích SWOT; Balanced Scorecard (BSC) - phương pháp sử dụng để đo lường hiệu quả; Phương pháp quản lý dựa trên kết quả của OECD; Phương pháp KPI định lượng; Phương pháp đánh giá dựa trên Bộ chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI;

2.2.3. Bộ chỉ số đánh giá năng lực XTXKHH

Bộ Chỉ số đánh giá năng lực XTXKHH - TPCI (Trade Promotion Capacity Index) là tổng hợp các chỉ số và phương pháp tính toán, đo lường và đánh giá năng lực XTXKHH Việt Nam. TPCI được xây dựng và hoàn thiện trên cơ sở vận dụng các phương pháp và công cụ đánh giá năng lực của ICT, SIPPO,.. đã áp dụng. Căn cứ xây dựng TPCI là các chỉ số, phương pháp đánh giá của ITC CUBED, các văn bản pháp luật, chính sách XTTM của Việt Nam và chức năng, nhiệm vụ của các TPO và BSO/TPO trên cả nước.

Cấu trúc, phương pháp phân tích, đánh giá và điểm số của từng chỉ số được nghiên cứu sinh trình bày cụ thể, chi tiết trong luận án.

2.3. Kinh nghiệm nâng cao năng lực XTXKHH của một số quốc gia và bài học có thể vận dụng đối với Việt Nam

Trên cơ sở khảo cứu kinh nghiệm của một số nước là Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Hà Lan, Pháp, Nhật Bản và Séc, luận án đã đề xuất 05 bài học kinh nghiệm có thể vận dụng trong việc nâng cao năng lực

XTXKHH như sau: (1) Bài học về xây dựng chính sách, pháp luật; (2) Bài học về nâng cao hiệu quả quản lý trong nâng cao năng lực XTXKHH; (3) Bài học về sử dụng các phương thức và công cụ XTTM hiện đại nhằm nâng cao năng lực XTXKHH; (4) Bài học về xây dựng mô hình tổ chức và cơ chế phối hợp trong hệ thống XTXKHH; (5) Bài học về định hướng chiến lược phát triển XTXKHH theo hướng bền vững và chuyển đổi số; (6) **Tập trung phát triển nguồn nhân lực xúc tiến chất lượng cao;** (7) **Đa dạng hóa và tăng cường nguồn lực tài chính.**

CHƯƠNG 3:

THỰC TRẠNG NĂNG LỰC XTXKHH VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2020 - 2024

3.1. Khái quát chung tình hình XKHH và mạng lưới XTXK của Việt Nam

3.1.1. Khái quát chung tình hình XKHH của Việt Nam

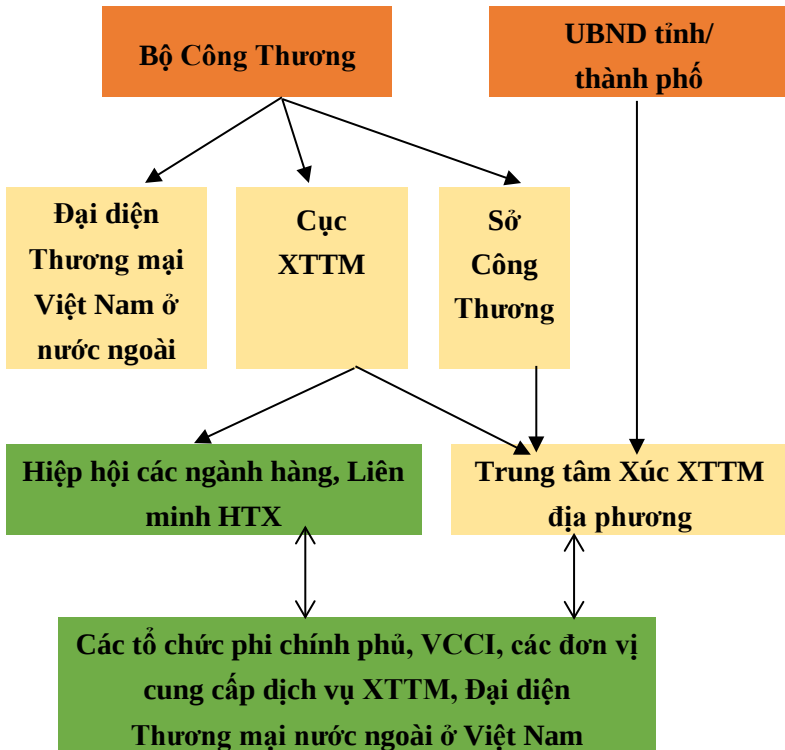
Trong giai đoạn 2020-2024, hoạt động XKHH của Việt Nam tiếp tục đạt được những kết quả ấn tượng, đóng góp tích cực vào tăng trưởng chung của nền kinh tế cả nước. Theo đó, xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam đã tăng từ 282,65 tỷ USD năm 2020 lên 405,05 tỷ USD năm 2024, đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 9,41%/năm, đánh dấu việc Việt Nam gia nhập nhóm nước có kim ngạch XKHH vượt 400 tỷ USD vào năm 2024. Năm 2024, kim ngạch xuất khẩu tiếp tục duy trì mức tăng trưởng tích cực (14,3%) trong bối cảnh kinh tế toàn cầu có nhiều rủi ro, bất ổn.

Thị trường xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam tiếp tục được mở rộng theo hướng đa dạng hóa và đa phương hóa, quan hệ thương mại mở rộng tới các châu lục, các khối kinh tế khu vực và quốc tế. Hiện Việt Nam đã có quan hệ kinh tế thương mại với hơn 200 quốc gia và vùng lãnh thổ. Hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam tiếp tục củng cố, giữ vững các thị trường truyền thống, trọng điểm như Hoa Kỳ, EU, ASEAN, Nhật

Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc... và mở rộng, phát triển thêm nhiều thị trường mới ra khắp thế giới như châu Phi, Mỹ Latin.

Cơ cấu thị trường đã có sự chuyển dịch tích cực trong quá trình hội nhập quốc tế với sự gia tăng mạnh mẽ thị phần của khu vực châu Mỹ và thị trường các khu vực đã ký FTA.

3.1.2. Hiện trạng mạng lưới XTXKHH Việt Nam



Nguồn: Tổng hợp từ website của Cục Xúc tiến thương mại

3.2. Thực trạng năng lực XTXKHH Việt Nam giai đoạn 2020 - 2024

3.2.1. Thực trạng hoạt động XTXKHH

Thực trạng hoạt động XTXKHH được luận án đề cập, phân tích trên các mặt hoạt động là: Công tác hoàn thiện thể chế trong lĩnh vực

XTTM; Hoạt động XTXKHH thuộc Chương trình cấp quốc gia về XTTM; Hoạt động hỗ trợ quảng bá, giới thiệu sản phẩm trên nền tảng thương mại điện tử quốc tế; Hoạt động phát triển thương hiệu với nòng cốt là Chương trình Thương hiệu Quốc gia; Công tác quản lý nhà nước về hoạt động khuyến mại, hội chợ, triển lãm thương mại; Việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong công tác XTXKHH.

3.2.2. Thực trạng năng lực XTXKHH Việt Nam

- Năng lực xây dựng pháp luật và hoạch định chính sách XTXKHH

Về tổng thể, năng lực xây dựng pháp luật và hoạch định chính sách XTXKHH của Việt Nam đã phần nào đáp ứng yêu cầu, bao phủ từ các nguyên tắc chung đến các quy định thực thi chi tiết, thể hiện sự nỗ lực của nhà làm luật, nhà hoạch định chính sách đối với hoạt động này. Dù vậy, khung chính sách và pháp lý cho hoạt động XTXKHH còn một số và hạn chế, như: chậm sửa đổi, bổ sung, đồ trễ của các văn bản quy phạm pháp luật còn khá lớn.

- Năng lực đội ngũ hoạt động XTXKHH

Hiện tại Việt Nam vẫn đang thiếu hụt nghiêm trọng đội ngũ chuyên gia XTXK có chiều sâu về chuyên môn, kinh nghiệm thực chiến và khả năng thích ứng cao. Nhiều cán bộ, công chức, viên chức của các Tổ chức XTTM, nhân viên của các doanh nghiệp xuất khẩu có thể nắm vững lý thuyết nhưng lại lúng túng khi đối mặt với các tình huống thực tế phức tạp của thị trường quốc tế (ví dụ: đàm phán với đối tác lớn, xử lý tranh chấp thương mại, thích nghi với văn hóa kinh doanh khác biệt).

*- Năng lực tài chính **phục vụ XTXK***

Nguồn tài chính cho hoạt động XTXKHH chủ yếu dựa vào nguồn từ ngân sách của Chương trình cấp quốc gia về XTTM được Chính phủ giao cho Bộ Công Thương thực hiện, làm cho các hoạt động XTXK của

Việt Nam chưa đáp ứng về quy mô cũng như làm hạn chế năng lực xuất khẩu.

- Năng lực công nghệ và xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin

Cục XTTM đã triển khai thực hiện hiệu quả các hoạt động điều tra, khảo sát, cung cấp thông tin về thị trường, ngành hàng, đặc biệt là các thị trường xuất khẩu mục tiêu quan trọng và một số thị trường mới còn nhiều dư địa khai thác cho các địa phương, hiệp hội và doanh nghiệp thông qua các hoạt động cụ thể như: (1) Tổ chức chuỗi chương trình giao ban XTTM với hệ thống Thương vụ Việt Nam ở nước ngoài định kỳ hàng tháng; (2) Tư vấn, cung cấp thông tin cho DN với các nội dung đa dạng; (3) Phối hợp với các chuyên gia, đơn vị chuyên ngành nghiên cứu xây dựng mô hình tổng thể Hệ sinh thái XTTM số với nhiều ứng dụng công nghệ thông tin thành; (4) Phối hợp với nền tảng thương mại điện tử Alibaba.com triển khai Gian hàng quốc gia Việt Nam - Vietnam Pavilion trên Alibaba.com.

- Năng lực kiến tạo cơ sở hạ tầng xúc tiến và dịch vụ hỗ trợ

Cục XTTM và các Trung tâm XTTM, các Hiệp hội ngành hàng, doanh nghiệp xuất khẩu đã quan tâm đầu tư hệ thống thiết bị, phần mềm, đường truyền internet ổn định để phục vụ các hoạt động xúc tiến trực tuyến và giao tiếp quốc tế đảm bảo có thể kết nối 24/7 với các đối tác nước ngoài.

Việt Nam đã có một số trung tâm triển lãm lớn, đạt chuẩn quốc tế tại hai thành phố đầu tàu kinh tế, cho phép tổ chức các sự kiện XTTM cấp quốc gia và quốc tế quy mô lớn. Tuy nhiên, hiện nay vẫn còn thiếu cơ sở hạ tầng quy mô lớn cấp vùng.

3.3. Đánh giá chung

3.3.1. Những kết quả đạt được

- Khung chính sách và pháp lý cho hoạt động XTTM nói chung và XTXKHH nói riêng của Việt Nam đã được xây dựng tương đối toàn diện;

- Hoạt động XTXKHH đã được tập trung nguồn lực để đẩy mạnh, tạo tiền đề cho việc nâng cao năng lực XTXKHH;

- Trong giai đoạn 2021-2025, việc nâng cao năng lực cho toàn bộ mạng lưới XTTM quốc gia đã được đẩy mạnh một cách toàn diện.

- Năng lực XTXKHH của các hiệp hội ngành hàng Việt Nam ngày càng được nâng cao;

- Các Trung tâm XTTM địa phương đã từng bước nâng cao vai trò của mình trong việc nâng cao năng lực XTXKHH ở địa phương;

- Năng lực của mạng lưới XTXKHH của Việt Nam đã được nâng cao, điều này được minh chứng qua các điểm số trung bình của nhóm các chỉ số trụ cột là: Quản lý, Chiến lược và Định hướng, Nguồn lực và Quy trình, Truyền thông, Trách nhiệm giải trình,...;

- **Nguồn nhân lực XTXKHH từng bước được cải thiện cả về chất lượng và số lượng;**

- **Nguồn kinh phí phục vụ hoạt động XTXKHH được duy trì ổn định và có xu hướng tăng;**

- **Cơ sở vật chất, hạ tầng XTXKHH dần được cải thiện.**

3.3.2. Những hạn chế và nguyên nhân

a) Những hạn chế

- Hệ thống chính sách, pháp luật về XTTM nói chung chưa đồng bộ, thiếu tính khả thi và còn chồng chéo.

- Khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động XTXK của các đơn vị chưa cao.

- Nhận thức, tư duy và phương pháp quản lý dữ liệu khách hàng của mạng lưới XTXKHH thiếu hiện đại.

- Năng lực của nhân lực làm công tác XTXKHH còn hạn chế tạo rào cản và ảnh hưởng lớn đến hiệu quả của hoạt động XTXKHH chung của cả mạng lưới.

- Năng lực của hệ thống XTXKHH chưa đồng đều và có sự phân hóa lớn.

- Ngân sách cho hoạt động nâng cao năng lực XTXKHH còn chưa thực sự đáp ứng nhu cầu thực tế

- Chất lượng dịch vụ hỗ trợ xúc tiến xuất khẩu chưa thiếu cao và chuyên nghiệp

- Cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị xúc tiến thương mại liên quan còn lỏng lẻo.

- Thông tin thị trường chưa được hệ thống hóa và phổ biến.

- Thiếu nhân lực chuyên gia hoạt động nâng cao năng lực XTXKHH:

- Hợp tác công - tư trong XTXKHH còn nhiều hạn chế, bất cập.

- Hạn chế về nhận thức và năng lực của cán bộ XTXKHH trong chuyển đổi xanh và phát triển bền vững.

b) Một số nguyên nhân

Những hạn chế và sự mất cân đối này bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân mang tính hệ thống, bao gồm:

Thứ nhất, khó khăn do các quy định của Nhà nước về định mức chi tiêu.

Thứ hai, dịch vụ hỗ trợ XTXKHH chưa có sự phát triển, chủ yếu là các dịch vụ hiện có, chưa có các dịch vụ mới. Cơ chế hỗ trợ DN chưa đủ hấp dẫn để các DN tham gia. Thiếu nguồn nhân lực có kinh nghiệm về XTXKHH, tư vấn chuyên sâu, đặc biệt là ở các trung tâm XTTM địa phương, yếu về ngoại ngữ và kỹ năng phân tích thị trường.

Thứ ba, chưa có cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trung ương và địa phương. Chưa xác định được chương trình XTXKHH phù hợp với đặc thù của địa phương.

Thứ tư, hạ tầng XTTM, logistics còn thiếu và không đồng bộ, không đủ điều kiện để tổ chức các sự kiện XTXKHH quy mô cấp vùng, quốc gia hoặc quốc tế; Chưa xây dựng hệ thống thông tin thị trường, cung cấp thông tin kịp thời về các chương trình XTXKHH

Thứ năm, năng lực tiếp nhận, tiếp cận các mô hình, phương thức XTXKHH mới còn yếu do nguồn nhân lực, vật lực cũng như trình độ phát triển về KH-CN, tận dụng những lợi thế trong XTXKHH trên nền tảng số.

Thứ sáu, khung pháp lý về hợp tác công tư chưa bao quát lĩnh vực XTXKHH. Cơ chế chia sẻ rủi ro và lợi ích giữa Nhà nước và doanh nghiệp chưa rõ ràng. Thiếu những mô hình thí điểm để thu hút doanh nghiệp tham gia hoạt động XTXKHH.

Thứ bảy, công tác đào tạo, bồi dưỡng chưa theo kịp nhu cầu nhất là đào tạo kiến thức chuyên sâu hội nhập, kỹ năng số.

CHƯƠNG 4:

QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO NĂNG LỰC XTXKHH HÓA VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030

**4.1. Bối cảnh quốc tế và trong nước tác động đến năng lực
xúc tiến xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam**

4.1.1. Bối cảnh quốc tế

Những vấn đề chính của bối cảnh quốc tế ảnh hưởng đến nâng cao năng lực XTXKHH Việt Nam là: (1) Sự dịch chuyển địa chính trị và các điều chỉnh chính sách thương mại của các nước; (2) Quy định, yêu cầu về phát triển bền vững; (3) Ứng dụng công nghệ mới và chuyển đổi số là xu hướng chủ đạo; (4) Sự phát triển mạnh mẽ của thực tế ảo

(VR), thực tế tăng cường (AR) và metaverse đã mở ra những kênh XTXKHH hoàn toàn mới.

4.1.2. Bối cảnh trong nước

Những vấn đề chính của bối cảnh trong nước ảnh hưởng đến nâng cao năng lực XTXKHH Việt Nam là: (1) Chiến lược và chính sách phát triển kinh tế liên quan đến XTTM; (2) Thực hiện chính quyền địa phương hai cấp; (3) Hội nhập quốc tế và thực thi, ký kết các FTA; (4) Chuyển đổi số và phát triển bền vững.

4.2. Quan điểm, định hướng nâng cao năng lực XTXKHH Việt Nam

4.2.1. Quan điểm

Việc nâng cao năng lực XTXKHH phải dựa trên các quan điểm sau: (1) Nâng cao năng lực XTXKHH phải phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội chung của đất nước, gắn với hội nhập kinh tế quốc tế một cách toàn diện và đảm bảo sự phát triển bền vững của ngoại thương và thương mại nội địa; (2) Nâng cao năng lực XTXKHH thực hiện dựa trên yêu cầu của thực tiễn và hội nhập, phù hợp với nhu cầu và năng lực tổ chức, tham gia xúc tiến thương mại của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng doanh nghiệp; (3) Nâng cao năng lực XTXKHH tạo điều kiện thuận lợi để đẩy mạnh hoạt động XTTM góp phần phát triển xuất nhập khẩu hàng hóa, phát triển thương mại trong nước phù hợp với quy luật khách quan của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; (4) Nâng cao năng lực XTXKHH dựa trên cách tiếp cận toàn diện và tổng thể, trên cơ sở thực thi hiệu quả cam kết trong các FTA; (5) Nâng cao năng lực hoàn thiện cơ chế, chính sách đào tạo nguồn nhân lực XTXKHH, tạo cơ hội cho doanh nghiệp tham gia XTXKHH, nắm bắt thông tin thị trường, thông tin các đối thủ cạnh tranh trên thị trường quốc tế; (6) Tăng cường nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng XTXKHH đảm bảo quy mô và tiện ích quốc tế nhằm khai thác lợi thế

Việt Nam là đang là điểm đến hấp dẫn cho các chương trình chuỗi hội nghị, hội thảo, triển lãm, du lịch... (7) Xây dựng, củng cố và phát triển các đối tác hợp tác chiến lược về đào tạo nâng cao năng lực XTXKHH, hướng tới xúc tiến XTXKHH bền vững, xanh- thân thiện môi trường và tuần hoàn.

4.2.2. Định hướng

Những định hướng cho việc nâng cao năng lực XTXKHH là: (1) Xây dựng, hoàn thiện chỉ số, chỉ tiêu XTXKHH; (2) Hoàn thiện phương thức, mô hình XTXKHH; (3) Việc nâng cao năng lực XTXKHH cần phải được thực hiện đồng đều cho các chủ thể thuộc cơ quan Chính phủ.

4.3. Một số giải pháp nâng cao năng lực xúc tiến xuất khẩu hàng hóa Việt Nam đến năm 2030

4.3.1. Xây dựng và ban hành *kế hoạch* XTXKHH giai đoạn 2026-2030

Để tăng cường năng lực XTXKHH cho các chủ thể, cần phải xây dựng và ban hành *kế hoạch* XTXKHH đến năm 2030 làm căn cứ, lộ trình thực hiện. Bộ Công Thương là cơ quan chủ trì, dựa trên các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược định hướng phát triển xuất khẩu. Các chương trình để thực hiện kế hoạch này phải được xây dựng trên cơ sở tiêu chí cụ thể, như xúc tiến sản phẩm có tiềm năng, phát triển thị trường xuất khẩu, phù hợp với Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa đến năm 2030, đồng thời phải có sự phối hợp chặt chẽ trong việc thực hiện kế hoạch này của các Bộ, ngành, địa phương.

Kế hoạch XTXKHH quốc gia phải căn cứ vào những đặc điểm thị trường của các nước, các khu vực (như mang tính bảo vệ người tiêu dùng và bảo vệ môi trường, yêu cầu khắt khe về tiêu chuẩn kỹ thuật). Cùng với những đặc thù của từng thị trường, kế hoạch XTXKHH của Việt Nam cần phải được thiết kế hướng vào việc khai thác những lợi thế của sản phẩm và lợi thế trong các quan hệ kinh tế giữa Việt Nam với

các nước, ví dụ như cùng là thành viên của một FTA nhằm tạo ra sự thuận lợi cho xuất khẩu.

Kế hoạch XTXKHH quốc gia cần phân công trách nhiệm cụ thể cho các Sở Công Thương, các trung tâm XTTM địa phương, hiệp hội, DN trong xúc tiến xuất khẩu ngành hàng và địa phương mình.

4.3.2. Hoàn thiện hệ thống chính sách, cơ chế hỗ trợ hoạt động XTXKHH

Hệ thống pháp luật về XTTM phải đầy đủ, đồng bộ, thống nhất và hiện đại, tạo hành lang pháp lý minh bạch, thuận lợi cho doanh nghiệp thực hiện các hoạt động XTTM trong và ngoài nước. Theo đó, cần rà soát và hệ thống hóa pháp luật liên quan đến XTTM; đánh giá toàn diện các văn bản hiện hành về XTTM (bao gồm luật, nghị định, thông tư...) và bãi bỏ hoặc sửa đổi các quy định bất cập, chồng chéo, không còn phù hợp với thực tế và thông lệ quốc tế.

Ban hành các văn bản mới phù hợp bồi cảnh hội nhập và chuyển đổi số, xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật XTTM số, kết nối nền tảng số quốc gia với các sàn thương mại điện tử lớn và công nhận giá trị pháp lý của các sự kiện XTTM trực tuyến. Ban hành, cập nhật quy chế phối hợp phát triển mạng lưới XTXKHH quốc gia. Xây dựng, ban hành, cập nhật Quy chế phối hợp liên ngành nhằm phát triển mạng lưới các tổ chức XTTM. Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về khuyến khích hoạt động XTXKHH.

4.3.3. Đổi mới phương thức tổ chức, mô hình XTXKHH

Tiếp tục đẩy mạnh XTXKHH số. Cần tăng cường đầu tư phát triển các nền tảng XTXKHH trực tuyến, các hệ sinh thái kết nối doanh nghiệp số, triển lãm/hội chợ ảo, thương mại xuyên biên giới qua nền tảng số. Phát triển và cập nhật hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về XTTM, có tính liên thông cao và kết nối với cơ sở dữ liệu của các ngành hàng, địa phương. Tăng cường áp dụng trí tuệ nhân tạo và phân

tích dữ liệu lớn để dự báo nhu cầu thị trường và cá nhân hóa tiếp cận khách hàng.

Thay đổi phương thức XTXKHH theo chuỗi giá trị và theo cụm ngành. Chuyển từ xúc tiến sản phẩm đơn lẻ sang xúc tiến cả chuỗi sản xuất - cung ứng - tiêu dùng; đẩy mạnh mô hình xúc tiến theo cụm ngành, gắn với nâng cấp vị trí của Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu; Chủ động thích ứng với tình hình kết hợp với số hóa XTTM và kết nối giao thương thông minh.

Áp dụng các mô hình XTTM tiên tiến, thích ứng với thay đổi về công nghệ, thị trường và hành vi tiêu dùng toàn cầu nhằm mở rộng cơ hội thị trường cho DN Việt Nam.

Phát triển mô hình xúc tiến xuất khẩu trên nền tảng số: Xây dựng và phát triển các nền tảng giao thương trực tuyến (online B2B, B2C) do Việt Nam làm chủ hoặc hợp tác quốc tế; Thúc đẩy hội chợ, triển lãm thực tế ảo (VR/AR) giúp doanh nghiệp tham gia mà không cần di chuyển; Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong phân tích xu hướng thị trường, gợi ý khách hàng mục tiêu, đề xuất chiến lược marketing; Phát triển mã số mã vạch, blockchain, QR truy xuất nguồn gốc xuất xứ, tạo lòng tin cho các nhà nhập khẩu.

Phát triển các trung tâm hỗ trợ xúc tiến xuất khẩu thông minh tại các địa phương hoặc khu vực ngành hàng (ví dụ: trung tâm xúc tiến xuất khẩu nông sản. Nâng cấp các dịch vụ thông tin thị trường chuyên sâu (qua cơ sở dữ liệu số); Tư vấn xuất khẩu theo yêu cầu (on-demand); kết nối với hệ thống thương vụ Việt Nam và chuyên gia nước ngoài.

Việc chuyển đổi và áp dụng các mô hình, phương thức xúc tiến xuất khẩu mới là xu thế tất yếu, đồng thời là cơ hội lớn để: Giảm chi phí - tăng hiệu quả - mở rộng thị trường; Nâng cao vị thế hàng hóa Việt Nam trên thị trường thế giới; Giúp doanh nghiệp thích ứng nhanh với bối cảnh cạnh tranh toàn cầu và thương mại số hóa.

4.3.4. Nâng cao năng lực của mạng lưới XTXKHH

Hoàn thiện công thông tin chia sẻ dữ liệu XTMM quốc gia. Cục XTMM thiết lập và cung cấp hệ thống thông tin XTMM trên nền tảng số để cập nhật, tổng hợp và chia sẻ thông tin về kế hoạch, chương trình, hoạt động XTMM của chương trình XTMM cấp quốc gia, các bộ ngành, địa phương, hiệp hội, doanh nghiệp. Các đơn vị trong mạng lưới XTMM tại các bộ ngành và địa phương có trách nhiệm cập nhật định kỳ kế hoạch hoạt động (quý, năm), báo cáo kết quả thực hiện và phối hợp thông tin trên nền tảng chung.

Mở rộng hợp tác quốc tế trong xúc tiến xuất khẩu thông qua việc tăng cường hợp tác với ITC, UNIDO, GIZ, JICA, USAID, WB... để phát triển chương trình XTXK ngành hàng chiến lược. Mời gọi nguồn lực hỗ trợ kỹ thuật, tài chính và đào tạo doanh nghiệp xuất khẩu bền vững, đạt chuẩn ESG, truy xuất nguồn gốc... Phối hợp triển khai các mô hình XTXKHH bền vững nhằm phát triển chuỗi giá trị xanh, sản phẩm thân thiện môi trường.

4.3.5. Phát triển cơ sở hạ tầng và nguồn lực phục vụ hoạt động XTXKHH

Hiện nay, Chính phủ đã phê duyệt cho Bộ Công Thương thành lập thêm một số trung tâm XTMM trong nước như các trung tâm cấp vùng và trung tâm giới thiệu sản phẩm Việt Nam tại nước ngoài như EU, Nga, Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất. Đây là một bước tiến lớn trong công tác XTXKHH để phục vụ các DN. Để các trung tâm này thực sự là đầu mối XTXKHH cho các DN cần thực hiện các biện pháp sau:

- Tăng hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước cho XTMM thông qua việc cấp kinh phí hoạt động dựa trên kết quả triển khai; huy động các nguồn lực ODA hỗ trợ kỹ thuật, hỗ trợ từ các FTA; khuyến khích

DN đầu tư vào hoạt động xúc tiến chung, kết hợp với chia sẻ kinh nghiệm, cách làm hay trong đồng đầu tư vào XTTM.

- Xây dựng hệ thống đánh giá tác động của XTTM theo các tiêu chí rõ ràng, ưu tiên các chương trình có tác động lan tỏa, bền vững thay vì chỉ tập trung vào số lượng hoạt động. Khuyến khích xúc tiến gắn với phát triển bền vững, như sản phẩm thân thiện môi trường, mô hình tuần hoàn, nông nghiệp carbon thấp... để nâng cao vị thế sản phẩm Việt trên thị trường quốc tế. Đổi mới mô hình hoạt động của các cơ quan XTTM theo hướng xanh hóa, tiết kiệm năng lượng.

- Củng cố, làm rõ vị trí, vai trò của các thành viên quan trọng trong hệ sinh thái XTTM, bổ sung năng lực, công cụ, xây dựng cơ chế để phát huy tối ưu vị thế, chuyên môn của từng thành viên theo đúng chuyển động của thị trường.

- Nâng cao năng lực cán bộ làm công tác XTXKHH, chú trọng cả trình độ chuyên môn và trình độ ngoại ngữ để thuận tiện trong quan hệ, giao tiếp với đối tác nước ngoài, có đủ khả năng tiếp cận với các tài liệu, học hỏi kinh nghiệm xúc tiến xuất khẩu của các nước tiên tiến.

4.3.6. Tăng cường hệ thống thông tin thị trường chuyên sâu

- Mở rộng và phát huy vai trò của các cơ quan đại diện thương mại và ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài, thu thập, xử lý và phân tích thông tin, tạo cơ chế thu thập thông tin, điều kiện làm việc;

- Xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung về thị trường xuất khẩu và nhà nhập khẩu, kết nối giữa thông tin từ cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài với dữ liệu doanh nghiệp trong nước;

- Triển khai mô hình Market Intelligence hiện đại, tích hợp phân tích xu hướng tiêu dùng, phân khúc thị trường, yêu cầu kỹ thuật/quy chuẩn, đối thủ cạnh tranh và mức độ sẵn sàng thâm nhập;

- Học hỏi kinh nghiệm quốc tế trong việc cung cấp thông tin theo từng ngành/cụm ngành như ITC (Trade Map, Market Access Map), CBI (Hà Lan), SIPPO (Thụy Sĩ), JETRO (Nhật Bản), Pro (Chile)...

- Khuyến khích và hỗ trợ cho các tổ chức như các hiệp hội ngành hàng, các công ty dịch vụ thông tin, các công ty tư vấn kinh doanh... cung cấp thông tin bằng nguồn hội phí hoặc theo cơ chế thị trường.

4.3.7. Phát triển nguồn nhân lực phục vụ hoạt động xúc tiến xuất khẩu

- Thực hiện các đề án đào tạo chuyên sâu: mỗi năm lựa chọn 10-15 cán bộ trẻ triển vọng từ Cục XTTM, thương vụ, trung tâm XTTM cử đi học thạc sĩ hoặc các khóa nâng cao về marketing quốc tế, quản trị xúc tiến ở nước ngoài.

- Thường xuyên mời chuyên gia xúc tiến giàu kinh nghiệm hướng dẫn nhóm cán bộ trẻ thông qua cùng làm dự án xúc tiến thực tế.

- Thực hiện phối hợp với các trường đại học, viện nghiên cứu mở chuyên ngành/quá trình bồi dưỡng về XTTM quốc tế.

- Khuyến khích DN xuất khẩu chủ lực cử nhân viên tham gia các lớp đào tạo xúc tiến.

KẾT LUẬN

Vấn đề nâng cao năng lực XTXKHH Việt Nam là rất cần thiết, cấp bách và tính chất phức tạp do đặc thù của các chủ thể thực hiện và bối cảnh thị trường thay đổi rất nhanh chóng. Với nỗ lực tìm các biện pháp, cách thức nhằm nâng cao năng lực XTXKHH cho các chủ thể liên quan luận án tiến sĩ kinh tế với đề tài ***“Nâng cao năng lực xúc tiến xuất khẩu hàng hóa Việt Nam”*** đã đạt được một số kết quả chính sau:

Một là, đã hệ thống hoá những vấn đề lý luận và bổ sung lý thuyết về năng lực XTXKHH. Cụ thể, bằng việc kế thừa các kết quả nghiên cứu có trước, luận án đưa ra một số khái niệm có liên quan như:

xúc tiến thương mại, xúc tiến xuất khẩu, năng lực xúc tiến xuất khẩu; xây dựng khung lý thuyết liên quan như xác định các chỉ số đánh giá, vai trò, các nhân tố ảnh hưởng đến năng lực XTXKHH của mạng lưới xúc tiến xuất khẩu.

Hai là, thực hiện khảo cứu kinh nghiệm của một số nước trong việc nâng cao năng lực xúc tiến xuất khẩu hàng hóa, từ đó rút ra một số bài học kinh nghiệm có thể vận dụng cho Việt Nam là cơ sở thực tiễn trong việc đề xuất các giải pháp nâng cao năng lực XTXKHH Việt Nam.

Ba là, bằng việc sử dụng các phương pháp nghiên cứu xác định, luận án đã đánh giá thực trạng năng lực xúc tiến xuất khẩu của các chủ thể, rút ra những thành công, tồn tại hạn chế và đặc biệt hơn là tìm ra những nguyên nhân chính làm hạn chế năng lực của các chủ thể thực hiện hoạt động XTXKHH.

Bốn là, trên cơ sở nghiên cứu lý luận, phân tích, đánh giá thực trạng năng lực XTXKHH, luận án đưa ra những quan điểm, định hướng và đề xuất 07 nhóm giải pháp nhằm nâng cao năng lực XTXKHH đến năm 2030, các giải pháp này mang tính thực tiễn và khả thi.

Thực hiện luận án tiến sĩ với chủ đề nghiên cứu như trên, nghiên cứu sinh mong muốn đóng góp trí tuệ của mình vào việc nâng cao hơn nữa năng lực XTXKHH Việt Nam nhằm đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa của đất nước một cách bền vững trong thời gian tới. Tuy nhiên, do giới hạn về thời gian, điều kiện, cũng như khả năng nghiên cứu, bản luận án này vẫn tồn tại những khiếm khuyết, nghiên cứu sinh mong muốn nhận được những ý kiến đóng góp của quý thầy, cô, nhà khoa học để luận án được hoàn thiện hơn.

CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ

1. Vũ Bá Phú (2025), *Phương pháp đánh giá năng lực xúc tiến xuất khẩu hàng hóa: kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam*, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, bản điện tử, <https://kinhtevadubao.vn/phuong-phap-danh-gia-nang-luc-xuc-tien-xuat-khau-hang-hoa-kinh-nghiem-quoc-te-va-bai-hoc-cho-viet-nam-32225.html>;
2. Vũ Bá Phú (2025), *Xây dựng bộ chỉ số đánh giá năng lực xúc tiến xuất khẩu cho Việt Nam*, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, bản điện tử <https://kinhtevadubao.vn/xay-dung-bo-chi-so-danh-gia-nang-luc-xuc-tien-xuat-khau-cho-viet-nam-32230.html>;
3. Vũ Bá Phú (2025), *Nâng cao năng lực xúc tiến xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế*, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, bản điện tử, <https://kinhtevadubao.vn/nang-cao-nang-luc-xuc-tien-xuat-khau-hang-hoa-cua-viet-nam-trong-boi-can-hoi-nhap-quoc-te-32232.html>.